

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO GIÁM SÁT GIAO DỊCH TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số **13** /2013/TT-BTC ngày **25**...tháng **04**...năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
 về việc Giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán)

MẪU 01 –BÁO CÁO TUẦN (SỔ LỆNH VÀ KẾT QUẢ GIAO DỊCH)

I. Dữ liệu thông tin thị trường: Thông tin định kỳ trong ngày giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012.

II. Sổ lệnh giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ tại SGDCK TP.HCM

Mã TV	Ngày	Giờ đặt lệnh	Máy trạm nhập lệnh	Lệnh mua/bán	Số thứ tự lệnh	Chứng khoán	Khối lượng đặt lệnh	Khối lượng chưa khớp	Khối lượng khớp lệnh	Tài khoản đặt lệnh	Giá đặt lệnh	Tình trạng lệnh	Giá trị lệnh	Loại lệnh (Nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Ghi chú:

- (1) Mã thành viên: từ 001, ..., nnn.
- (2) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm
- (3) Thời gian nhập lệnh (số thứ nhất và 2 hoặc số thứ nhất: giờ; số thứ 3 và 4: phút; 4 số cuối: giây)
- (4) Máy trạm nhập lệnh của thành viên: số cuối: số thứ tự máy trạm; số đầu hoặc 2 số đầu: mã thành viên.
- (5) Lệnh mua/bán trong đó S/B: sell/buy hoặc B/M: bán/mua
- (6) Số thứ tự lệnh nhập của thành viên: 4 số cuối từ 0001 đến 9999 theo thứ tự thời gian
- (7) Mã chứng khoán
- (8) Khối lượng đặt: số cổ phiếu

- (9) Khối lượng chưa khớp: số cổ phiếu
- (10) Khối lượng khớp lệnh: số cổ phiếu
- (11) Tài khoản đặt lệnh
- (12) Giá đặt lệnh: nghìn đồng/cổ phần
- (13) Tình trạng lệnh: (M) Khớp/(O) không khớp/ (X) hủy
- (14) Giá trị khớp: nghìn đồng
- (15) Loại lệnh: lệnh giới hạn/lệnh ATO/lệnh ATC

III. Sổ lệnh giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ tại SGDCK Hà Nội

Ngày GD	Thời gian	Loại lệnh	TT	Số hiệu lệnh	Số hiệu lệnh gốc	CK	M/B	SL	Giá	Số lượng chờ khớp	Giá chờ khớp	SL khớp	SL hủy	SL loại bỏ	Đại diện giao dịch	Mã thành viên	Mã thị trường	Loại hình NĐT	TK NĐT	Lợi suất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)

Ghi chú:

- | | |
|--|--|
| (1) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm | (13) Số lượng khớp |
| (2) Thời gian nhập lệnh (số thứ nhất và 2 hoặc số thứ nhất: giờ; số thứ 3 và 4: phút; 4 số cuối: giây) | (14) Số lượng hủy |
| (3) Loại lệnh | (15) Số lượng loại bỏ |
| (4) Tình trạng lệnh | (16) Đại diện giao dịch |
| (5) & (6) Số hiệu lệnh và Số hiệu lệnh gốc | (17) Mã Thành viên |
| (7) Chứng khoán | (18) Mã thị trường |
| (8) M/B (mua/bán) | (19) Loại hình Nhà đầu tư |
| (9) Số lượng đặt lệnh | (20) Tài khoản Nhà đầu tư |
| (10) Giá đặt lệnh | (21) Lợi suất (áp dụng cho Trái phiếu) |
| (11) Số lượng chờ khớp | |
| (12) Giá chờ khớp | |

IV. Kết quả khớp lệnh giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ tại SGDCK TP.HCM

Số thứ tự	Mã TV người mua	Mã TV người bán	STT nhập lệnh mua	STT nhập lệnh bán	Thời gian khớp lệnh	Ngày giao dịch	Máy trạm nhập lệnh mua	Máy trạm nhập lệnh bán	Loại hình NĐT mua	Loại hình NĐT bán	Mã chứng khoán	Khối lượng khớp	Giá	Tài khoản mua	Tài khoản bán	Giá trị khớp lệnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

Ghi chú:

- (1) Số thứ tự (1, ..., n) khớp lệnh
- (2) Mã Thành viên người mua
- (3) Mã Thành viên người bán
- (4) Số thứ tự nhập lệnh mua
- (5) Số thứ tự nhập lệnh bán
- (6) Thời gian khớp lệnh (số thứ nhất và 2 hoặc số thứ nhất: giờ; số thứ 3 và 4: phút; 4 số cuối: giây)
- (7) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm
- (8) Máy trạm nhập lệnh mua (số đại diện giao dịch): số thứ nhất và 2: mã thành viên; số cuối: số thứ tự máy trạm của thành viên
- (9) Máy trạm nhập lệnh bán (số đại diện giao dịch): số thứ nhất và 2: mã thành viên; số cuối: số thứ tự máy trạm của thành viên
- (10) Loại hình Nhà đầu tư mua (Tổ chức, Cá nhân, Quỹ...)
- (11) Loại hình Nhà đầu tư bán (Tổ chức, Cá nhân, Quỹ...)
- (12) Mã chứng khoán
- (13) Khối lượng khớp lệnh: cổ phiếu
- (14) Giá khớp lệnh
- (15) Tài khoản mua
- (16) Tài khoản bán
- (17) Giá trị khớp lệnh

V. Kết quả khớp lệnh giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ tại SGDCK Hà Nội

Ngày GD	Thời gian	Số phiên	Số hiệu lệnh	SHL liên quan	Số xác nhận lệnh khớp	TV bán	Đại diện giao dịch bán	NĐT bán	Mã CK	Số lượng khớp	Giá khớp	Mã thị trường	Thành viên mua	Đại diện GD mua	NĐT Mua	Hình thức GD	Lợi suất	Hình thức thanh toán	Trong/sau giờ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)

Ghi chú:

- | | |
|--|--|
| (1) Ngày giao dịch: ngày/tháng/năm | (11) Số lượng khớp |
| (2) Thời gian khớp lệnh (số thứ nhất và 2 hoặc số thứ nhất: giờ; số thứ 3 và 4: phút; 4 số cuối: giây) | (12) Giá khớp |
| (3) Số phiên khớp lệnh | (13) Mã thị trường |
| (4) và (5) Số hiệu lệnh và Số hiệu lệnh liên quan | (14) Thành viên bên mua |
| (6) Số xác nhận lệnh khớp | (15) Đại diện giao dịch bên mua |
| (7) Thành viên bên bán | (16) Tài khoản Nhà đầu tư mua |
| (8) Đại diện giao dịch bên bán | (17) Hình thức giao dịch |
| (9) Tài khoản Nhà đầu tư bán | (18) Lợi suất (áp dụng cho Trái phiếu) |
| (10) Mã chứng khoán | (19) Hình thức thanh toán |
| | (20) Giao dịch trong giờ hay sau giờ |

VI. Kết quả giao dịch thỏa thuận cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/Trái phiếu tại SGDCK TP.HCM

(Giao dịch thỏa thuận Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ, Trái phiếu được lập thành từng bảng riêng)

Ngày giao dịch	Mã TV bán	Mã TV mua	Chứng khoán	Tài khoản bán	Tài khoản mua	Khối lượng đặt bán	Khối lượng đặt mua	Giá khớp	Khối lượng khớp	Giá trị khớp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

Ghi chú:

- (1): Ngày giao dịch (ngày/tháng/năm)
- (2)&(3): Mã thành viên (mua/bán)
- (4): Mã cổ phiếu, chứng chỉ quỹ Trái phiếu
- (5) & (6) Tài khoản bán/mua
- (7) và (8) KL đặt bán/đặt mua
- (9) Giá khớp
- (10) Khối lượng khớp
- (11) Giá trị khớp

VII. Kết quả giao dịch thoả thuận cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/Trái phiếu tại SGDCK Hà Nội

(Giao dịch trái phiếu doanh nghiệp được lập thành từng bảng riêng)

Ngày giao dịch	Thời gian	Số hiệu lệnh	SHL liên quan	Loại lệnh	Tình trạng	TV bán	ĐDGD bán	NĐT bán	CK	M/B	Số lượng	Giá	Mã TT	TV Mua	ĐDGD mua	NĐT mua	Hình thức thanh toán	Chu kỳ TT	Lợi suất	Số ĐT	Trong/sau giờ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)

Ghi chú:

(1): Ngày giao dịch (ngày/tháng/năm)

(2): Thời gian khớp lệnh

(3)&(4): Số hiệu lệnh và Số hiệu lệnh liên quan

(5): Loại lệnh

(6): Tình trạng lệnh

(7)&(15) Thành viên bán/mua

(8)&(16): Đại diện giao dịch bán/mua

(9)&(17): Nhà đầu tư bán/mua

(18): Hình thức thanh toán: Trực tiếp hoặc đa phương

(19): Chu kỳ thanh toán: T+X với X là số ngày sau ngày T giao dịch

(20): Lợi suất (áp dụng cho Trái phiếu)

(10) Mã chứng khoán

(11) Mua/bán

(12) Số lượng cổ phiếu

(13) Giá

(14) Mã thị trường

(21) Số điện thoại (nếu có)

(22) Giao dịch trong/sau giờ

...., ngày ... tháng ... năm

Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán

Ghi chú: Các báo cáo này được lập dưới dạng file dữ liệu điện tử định dạng excel hoặc File text chiết xuất từ hệ thống giao dịch; Font chữ: Unicode Times New Roman.

MẪU 02 - BÁO CÁO TUẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDCK

..., ngày tháng năm 201...

BÁO CÁO GIÁM SÁT TUẦN .../201...

1. Báo cáo tình hình xử lý các dấu hiệu giao dịch bất thường trong tuần ... /200...

TT	Mã cảnh báo theo tiêu chí	Dấu hiệu giao dịch bất thường	Mã chứng khoán giao dịch	Ngày giao dịch	Ngày bắt đầu xử lý	Tình trạng xử lý
1	2	3	4	5	6	7

2. Thống kê vi phạm công bố thông tin khi thực hiện giao dịch chứng khoán

TT	Tên tổ chức cá nhân vi phạm	Tài khoản giao dịch	Mã chứng khoán	Hành vi vi phạm về CBTT	Loại hình giao dịch	Số lần vi phạm trong quá khứ	Ngày xử lý	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ghi chú:

- Dấu hiệu giao dịch bất thường: theo Hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch bất thường do Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành.
- Biểu này được lập và báo cáo hàng tuần.

Nơi nhận:

Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán..

MẪU O3 –BÁO CÁO THÁNG/201.....

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDCK

..., ngày tháng năm 201...

BÁO CÁO GIÁM SÁT THÁNG .../201....

I. Về việc tổ chức hoạt động giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Tổ chức và hoạt động của bộ máy giám sát (nếu có thay đổi).
2. Về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Về việc tổ chức giám sát giao dịch hàng ngày, nhiều ngày.
4. Về việc thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường và báo cáo theo yêu cầu đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. Về việc phối hợp với các đơn vị khác trong công tác giám sát.
6. Về việc xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát.

II. Các công việc đang triển khai

Biểu 1. Báo cáo tình hình xử lý các dấu hiệu giao dịch bất thường tháng

TT	Mã cảnh báo theo tiêu chí giám sát	Dấu hiệu giao dịch bất thường	Tổ chức/cá nhân thực hiện giao dịch	Mã tài khoản giao dịch	Mã chứng khoán giao dịch	Ngày GD	Dấu hiệu vi phạm	Ngày bắt đầu xử lý	Tình trạng xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ghi chú: Dấu hiệu giao dịch bất thường: theo Hệ thống tiêu chí giám sát giao dịch bất thường do SGDCK ban hành.

III. Kết quả hoạt động giám sát tại Sở Giao dịch chứng khoán

1. Về việc thực hiện giao dịch của các thành viên giao dịch

Biểu 1. Hành vi vi phạm về giao dịch chứng khoán

TT	Tổ chức/cá nhân vi phạm về giao dịch chứng khoán	Mã tài khoản giao dịch	Tên CTCK thực hiện GD	Loại hành vi vi phạm	Ngày GD	Mã chứng khoán giao dịch	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8

Biểu 2. Công ty chứng khoán, đại diện giao dịch CTCK vi phạm các quy định về giao dịch chứng khoán

TT	Mã thành viên giao dịch	CTCK/đại diện giao dịch	Mã TK giao dịch	Loại hành vi vi phạm	Ngày giao dịch	Mã chứng khoán giao dịch	Ngày xử lý	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9

2. Về hoạt động giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm

– Về việc phát hiện các giao dịch bất thường (phân loại theo tiêu chí giám sát bất thường do Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành).

– Kết quả kiểm tra về giao dịch chứng khoán do Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện, kết quả xử lý những hành vi vi phạm (theo thẩm quyền).

– Các vụ việc kiến nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử lý vi phạm.

IV. Kiến nghị

1. Về chính sách chế độ

2. Kiến nghị khác (nếu có)

Nơi nhận:

Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán

MẪU 04: BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 20....

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDCK

..., ngày tháng năm 201...

BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 20.....

I. Về việc tổ chức hoạt động giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán

1. Tổ chức và hoạt động của bộ máy giám sát
2. Về việc ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình giám sát tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Về việc tổ chức giám sát giao dịch hàng ngày, nhiều ngày.
4. Về việc thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo bất thường và báo cáo theo yêu cầu đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. Về việc phối hợp với hợp với các đơn vị khác trong công tác giám sát.
6. Về việc xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát.

II. Các công việc đang triển khai

Biểu 1: Báo cáo tình hình xử lý các dấu hiệu giao dịch bất thường

TT	Mã cảnh báo theo tiêu chí giám sát	Dấu hiệu giao dịch bất thường	Tổ chức/ cá nhân thực hiện giao dịch	Mã tài khoản giao dịch	Mã chứng khoán giao dịch	Ngày giao dịch	Dấu hiệu vi phạm	Ngày bắt đầu xử lý	Tình trạng xử lý
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Biểu 2: Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về giao dịch chứng khoán

TT	Tên tổ chức cá nhân	Mã thành viên giao dịch	Mã tài khoản giao dịch	Tên CTCK	Hành vi vi phạm về GDCK		Vi phạm về công bố thông tin khi thực hiện các	Tổng cộng	Ghi chú
					Vi phạm/dấu hiệu vi phạm các quy định về GDCK	Vi phạm/dấu hiệu vi phạm giao dịch bị cấm			

					Giao dịch cùng mua/bán	Hủy/sửa lệnh sai quy định	Khác	Giao dịch nội bộ	Giao dịch thao túng	Giao dịch bị cấm khác	giao dịch (cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và người liên quan, cổ phiếu quỹ, cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng, giao dịch khác)
	I/CTCK				x	x	x		x	x	x
	II/Đại diện GD/nhân viên CTCK				x	x	x			x	x
	III/Tổ chức/cá nhân khác						x	x	x	x	x

Ghi chú về Biểu số 2:

- Biểu này tổng hợp số lần vi phạm về giao dịch và công bố thông tin của các đối tượng thực hiện giao dịch;
- Loại hành vi vi phạm được thống kê theo quy định hiện hành.

III. Kiến nghị

1. Về chính sách chế độ
2. Kiến nghị khác (nếu có)

Nơi nhận:

Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán

Ghi chú

- **Hành vi vi phạm về giao dịch chứng khoán** tại các Biểu trong Phụ lục này bao gồm 2 nhóm hành vi: hành vi vi phạm các quy định về giao dịch (cùng mua/bán, giao dịch không dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu chứng khoán, và các vi phạm khác về quy chế giao dịch) và hành vi giao dịch bị cấm (giao dịch nội bộ; giao dịch thao túng và giao dịch bị cấm khác)
- **Kỳ báo cáo tại Phụ lục này** được lập theo tuần, tháng và năm Dương lịch
- Các báo cáo này được lập dưới dạng file dữ liệu điện tử định dạng exel (đối với dữ liệu báo cáo bằng bảng biểu) hoặc File text chiết xuất từ hệ thống giao dịch; Font chữ: Unicode Times New Roman.

PHỤ LỤC II
MẪU BIỂU BÁO CÁO CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2013/TT-BTC ngày 25..tháng 01..năm
2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Giám sát giao dịch chứng khoán trên
thị trường chứng khoán)

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTLKCK

... , ngày tháng năm 201...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

I. Báo cáo định kỳ tháng:

1. Báo cáo hoạt động cấp mã chứng khoán

Biểu 1: Tình hình cấp mã chứng khoán

Stt	Ngày cấp mã chứng khoán	Thông tin Tổ chức phát hành			Thông tin mã chứng khoán được VSD cấp		Ghi chú
		Tên Công ty	Vốn Điều lệ, SLCK đăng ký	Địa chỉ	Mã trong nước	Mã ISIN	
1	2	3	4	5	6	7	8

2. Báo cáo tình hình sửa lỗi, hủy thanh toán giao dịch trong tháng

Biểu 2: Tình hình sửa lỗi, hủy thanh toán giao dịch

Stt	Mã thành viên lưu ký	Tên thành viên lưu ký	Loại lệnh	Tài khoản sửa lỗi	Mã chứng khoán	Số lượng	Ngày giao dịch	Ngày sửa lỗi/hủy thanh toán giao dịch	Thành viên lưu ký liên quan	Số lượng chứng khoán hỗ trợ	Lý do sửa/hủy lỗi
A. Sửa lỗi											
B. Hủy thanh toán											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

3. Thống kê giao dịch chứng khoán chuyển quyền sở hữu không qua hệ thống giao dịch

Biểu 3. Chi tiết tình hình chuyển quyền sở hữu chứng khoán

STT	Bên chuyển nhượng			Bên nhận chuyển nhượng			Thông tin chứng khoán chuyển nhượng quyền sở hữu		Ngày hiệu lực	Loại giao dịch	Ghi chú
	Tên	Số đăng ký sở hữu	Số Tài khoản giao dịch	Tên	Số đăng ký sở hữu	Số Tài khoản giao dịch	Mã chứng khoán	Số lượng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

4. Thông tin và danh tính tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mở tại các CTCK

Biểu 4. Dữ liệu về thông tin và danh tính tài khoản giao dịch chứng khoán của NĐT

Mẫu 1: Thông tin và danh tính của NĐT mở tài khoản

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Nơi cấp	Ngày mở	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức								
2		Cá nhân							Mỹ	Người Việt Nam

Mẫu 2: Thông tin và danh tính của NĐT đóng tài khoản

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Nơi cấp	Ngày đóng	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức								
2		Cá nhân							Mỹ	Người Việt Nam

Mẫu 3: Thông tin và danh tính của NĐT thay đổi thông tin

STT	Tên khách hàng	Loại hình	Mã TKGD	Địa chỉ	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Nơi cấp	Quốc tịch	Ghi chú
1		Tổ chức							
2		Cá nhân						Mỹ	Người Việt Nam

5. Thông tin về cổ đông lớn của các công ty đăng ký chứng khoán tại TTLKCK

Biểu 5. Báo cáo về cổ đông lớn

STT	Mã CK	Số lượng đăng ký	Thông tin cổ đông				Đầu kỳ		Cuối kỳ		Ghi chú
			Tên cổ đông	Số Đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Số lượng chứng khoán sở hữu	Địa chỉ liên hệ	Tỷ lệ %	Số lượng chứng khoán sở hữu	Tỷ lệ %	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

II. Kiến nghị

1. Về chính sách chế độ.
2. Kiến nghị khác (nếu có).

Nơi gửi:

Tổng Giám đốc
Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

Ghi chú

- Kỳ báo cáo tại Phụ lục II được lập theo tháng Dương lịch
- Báo cáo được lập dưới hình thức file dữ liệu điện tử có định dạng Excel (đối với những dữ liệu báo cáo dưới dạng bảng biểu), font chữ Unicode Times New Roman